TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2020/DS-ST
Ngày: 08 - 12 – 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự - Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang

Bà Hồ Thị Út

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/11/2020 và ngày 08/12/2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2020/TLST-DS, ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự - Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2020/QĐXX–ST, ngày 29 tháng 10 năm 2020 và Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 04/TB-TA, ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: khóm 3, phường 2, thị xã Ng N, tỉnh S Tr.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Ph1, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L H 1, xã T Ph, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hợp tác xã sản xuất lúa giống và dịch vụ V T.

Người đại diện theo pháp luật ông Quách Văn Q, sinh năm: 1958 (có

mặt).

Địa chỉ: khóm V T, phường 3, thị xã Ng N, tỉnh S Tr.

4. Người làm chứng:

- Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ph A B, xã Ph Ph, huyện Ph H, tỉnh Hậu Giang.

- Hồ Hải X, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ph A B, xã Ph Ph, huyện Ph H, tỉnh Hậu Giang.

- Nguyễn Văn T, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ph A B, xã Ph Ph, huyện Ph H, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Văn Ph trình bày:

Vào tháng 8/2017 thông qua chính quyền địa phương nên ông Nguyễn Văn Ph có giao cho ông Trần Văn Ph1 sản lượng 21.350kg lúa giống loại ST24 bán lại cho người dân sản xuất vụ lúa Đông xuân năm 2017 – 2018, giá lúa 16.000 đồng/01kg. Sau khi xử lý lúa giống để xạ có một số hộ dân lúa giống không nảy mầm, khi đó ông Ph và ông Ph1 có tính lại thì còn khoảng lại 8.750kg lúa giống đang xạ trong nhân dân, tương ứng số tiền 140.000.000 đồng.

Tiếp theo là vụ lúa Đông xuân năm 2018 – 2019 ông Ph bỏ ra số tiền 220.000.000 đồng để hùn với ông Trần Văn Ph1 mua lúa giống ở V L, Sóc Trăng sản lượng 60.000kg lúa tươi loại ST24 với giá 6.700 đồng/01kg, tổng cộng 402.000.000đồng. Chi phí bao bì, vận chuyển, dê, sấy số tiền 38.500.000 đồng, tổng cộng số tiền mua và chi phí là 440.500.000 đồng. Khi thành phẩm, đóng bao thì còn lại 38.500kg lúa giống khô, bán ra cho nhân dân giá 17.000 đồng/01kg, tổng số tiền bán được 658.750.000 đồng. Sau khi khấu trừ chi phí còn lợi nhuận 218.250.000 đồng. Ông Ph và ông Ph1 chia ra thì mỗi người được sở hữu 109.125.000 đồng. Khi tính toán hai bên không có lập giấy tờ gì. Nhưng sau khi thu hoạch vụ lúa đến nay ông Ph1 không giao trả số tiền nào cho ông Ph.

Cũng trong vụ lúa Đông Xuân 2018 – 2019 ông Ph cung cấp thêm cho ông Ph1 2.350kg lúa giống ST24 giá 17.500 đồng/01kg, tương đương số tiền 41.250.000 đồng; Thuốc ốc 08kg, giá 60.000 đồng/01kg, tương đương số tiền

840.000 đồng; Thuốc điều hòa sinh trưởng 500 gói, giá 10.000 đồng/01 gói, tương đương số tiền 5.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Ph giao cho ông Ph1 là 47.090.000 đồng.

Tính đến nay tổng số tiền ông Ph1 phải giao trả lại cho ông Ph số tiền 540.115.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Ph rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, nay ông Ph chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn Ph1 phải trả lại cho ông Ph số tiền 436.000.000 đồng.

Bị đơn Trần Văn Ph1 trình bày: Vụ lúa Đông xuân năm 2017 – 2018 ông Nguyễn Văn Ph, ông Quách Văn Q là đại diện Hợp tác xã sản xuất lúa giống và dịch vụ V T (gọi tắt là Hợp tác xã V T) có thông qua chính quyền địa phương ấp Ph A B, xã Ph Ph, huyện Ph H, tỉnh Hậu Giang yêu cầu ông Ph1 làm cò bao tiêu sản phẩm lúa ST24 giá sàn là 5.000 đồng/01kg. Còn lúa giống do Hợp tác xã V T cung cấp bán cho nhân dân với giá 16.000 đồng/01kg, đến khi thu hoạch ông Ph1 được hưởng hoa hồng 1.000đồng/01kg lúa giống. Việc thỏa thuận giữa Hợp tác xã V T với ông Ph1 không có lập văn bản gì. Đến khi Hợp tác xã V T giao lúa cho nhân dân sản xuất thì ông Ph1 có chứng kiến. Khi xử lý giống để xạ thì khoảng 80% lúa không nảy mầm, còn lại 20% thì nảy mầm khoảng 03% – 04%. Ông Ph1 và ông Nguyễn Văn T, Bí thư chi bộ ấp Ph A B, xã Ph Ph điện thoại báo cho Hợp tác xã V T thì Hợp tác xã V T cử ông Ph đến xem xét sự việc thì ông Ph yêu cầu người dân sàn lọc lại lúa giống, phần nào sử dụng được thì sử dụng, còn phần nào không sử dụng thì bỏ. Khi đó phần lúa giống xạ trong dân bị thiếu hụt nên ông Ph1 bỏ tiền ra mua 10 tấn lúa giống loại OM5451 để giao cho nhân dân tiếp tục xạ. Đối với phần phân thuốc thực vật để phục vụ cho vụ lúa thì của Hợp tác xã V T giao cho nhân dân. Đến khi thu hoạch lúa ông Hồ Hoàng Đ là chủ mua lúa yêu cầu ông Quách Văn Q đến để trả lại tiền cọc mà ông Đ giao cho ông Q nhưng ông Q không đến. Khi đó ông Ph1 bỏ ra 400.000.000 đồng để trả cho ông Đ. Sau khi thu hoạch vụ lúa Đông xuân xong, ông Ph1 thu tiền lúa giống trong nhân dân được 68.000.000 đồng. Sau đó ông Ph1 yêu cầu ông Q lên để kết toán lại số tiền đầu tư vụ lúa Đông xuân 2017 – 2018 thì ông Q không đến nên hai bên không kết toán cho đến nay.

Nay ông Ph yêu cầu ông Ph1 trả số tiền lúa giống 140.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Với lý do ông Ph1 không có mua bán hay làm ăn gì với ông Ph.

Đối với vụ lúa Đông xuân năm 2018 – 2019 ông Ph1 không có hùn hạp làm ăn với ông Ph nên ông Ph1 không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của ông Ph.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã sản xuất lúa giống và dịch vụ V T, người đại diện theo pháp luật ông Quách Văn Q trình bày: Vụ lúa Đông xuân 2017 – 2018 ông Nguyễn Văn Ph có nhờ ông Q là đại diện của Hợp tác xã V T đến gặp Chính quyền địa phương xã Ph Ph nhờ chính quyền địa phương mời dân để họp, khi đó có nhờ ông Trần Văn Ph1 làm cò. Khi họp dân hai bên thống nhất giá cả về lúa giống và lúa thu mua, sau đó ông Nguyễn Văn Ph đi giao lúa cho ông Ph1 và ông Ph1 giao lại cho nhân dân để sản xuất. Còn phân thuốc thì của Hợp tác xã V T cung cấp giao cho ông Ph1. Sau khi thu hoạch vụ lúa xong thì việc kết toán tiền lúa giống giữa ông Ph1 và ông Ph thì ông Q không biết, còn phần tiền phân thuốc của Hợp tác xã V T giao cho ông Ph1 đến nay hai bên đã kết toán xong.

Đối với vụ lúa Đông xuân năm 2018 – 2019 ông Q có nhân danh Hợp tác xã V T để ký hợp đồng bao tiêu với ông Trần Văn Ph1 giao lúa giống cho nhân dân sản xuất lúa tại xã T Ph và xã Ph Ph, lúa giống là do ông Nguyễn Văn Ph và ông Trần Văn Ph1 hùn tiền lại mua để cung cấp cho nhân dân sản xuất. Còn phần phân thuốc thì Hợp tác xã V T cung cấp. Đến khi thu hoạch ông Ph1 và ông Ph đứng ra bán lúa từ nhân dân cho Công ty, còn phần phân thuốc thì ông Ph1 đã tính toán xong với Hợp tác xã V T.

Nay ông Ph và ông Ph1 tranh chấp tiền lúa giống thì ông Q không có ý kiến gì. Đối với số tiền phân thuốc ông Q bán cho ông Ph1 thì ông Q và ông Ph1 đã tính toán xong.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 116 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, Điều 91; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ph đối với ông Trần Văn Ph1.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Ph về việc yêu cầu bị đơn Trần Văn Ph1 trả lại số tiền là 436.000.000 đồng.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự - Đòi lại tài sản", căn cứ Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, ông Ph rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, nay ông Ph chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn Ph1 phải trả lại cho ông Ph số tiền 436.000.000 đồng. Hội đồng xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Ph1 là tự nguyện. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn văn Ph đối với bị đơn Trần Văn Ph1.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Ph:

[3.1] Đối với vụ lúa Đông xuân năm 2017 – 2018 ông Ph cho rằng ông Ph có giao cho ông Trần Văn Ph1 số lượng 21.350kg lúa giống loại ST24 để bán lại cho người dân gieo xạ vụ lúa Đông xuân năm 2017 – 2018, giá lúa 16.000 đồng/01kg. Sau khi xử lý lúa giống để xạ thì có một số hộ dân lúa không nảy mầm, sau đó ông Ph và ông Ph1 có tính lại thì còn khoảng 8.750kg lúa giống đang xạ trong nhân dân, tương ứng số tiền 140.000.000 đồng, khi kết tính hai bên không có lập giấy tời gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ kết hợp chính quyền địa phương tiến hành xác minh nhân dân tại ấp Ph A B, xã Ph Ph, huyện Ph H, tỉnh Hậu Giang: *"Đối với vụ lúa Đông xuân năm 2017 – 2018 ông Quách Văn Q là người đại diện Hợp tác xã sản xuất lúa giống và dịch vụ V T thông qua chính quyền địa phương họp dân triển khai cung cấp lúa giống ST24 cho nhân dân để sản xuất vụ lúa Đông xuân năm 2017 – 2018. Khi giao lúa cho nhân dân thì ông Q thông qua ông Trần Văn Ph1 để giao lúa cho nhân dân. Khi nhân dân xử lý giống để xạ thì chỉ có khoảng 30% – 40% lúa nẩy mầm, phần còn lại thì không nẩy mầm. Khi đó chính quyền địa phương báo lại*

cho ông Q biết thì ông Q cử ông Ph đến xem xét, lúc đó ông Ph nói nhân dân sàn lọc lại sử dụng được bao nhiêu thì sử dụng, phần còn lại thì bỏ.

Sau khi thu hoạch xong vụ lúa thì không có ai đến thu tiền lúa giống trong nhân dân, chỉ có ông Ph1 thu gom được một số hộ có lúa giống nảy mầm". Từ đó có thể khẳng định vụ lúa Đông xuân năm 2017 – 2018 chỉ có Hợp tác xã sản xuất lúa giống và dịch vụ V T cung cấp lúa giống cho nhân dân thông qua ông Trần Văn Ph1 để sản xuất. Mặt khác, ông Ph cho rằng sau khi nhân dân xạ lúa xong, giữa ông và ông Ph1 có kết toán lại còn khoảng 8.750kg lúa giống đang xạ trong nhân dân, tương ứng số tiền 140.000.000 đồng nhưng nay ông Ph1 không thừa nhận và ông Ph không có gì chứng minh là ông đã giao lúa giống cho ông Ph1 cũng như việc kết toán lại số lúa đang xạ trong nhân dân.

[3.2] Đối với vụ lúa Đông xuân năm 2018 – 2019 ông Ph cho rằng ông bỏ ra số tiền 220.000.000 đồng hùn với ông Ph1 để mua 60.000kg lúa giống tươi ST24 ở V L, Sóc Trăng, sản lượng lúa tươi loại ST24, sau khi khấu trừ tiền mua lúa, chi phí bao bì, vận chuyển, dê, sấy tổng chi phí 440.500.000 đồng. Khi thành phẩm, đóng bao thì còn 38.500kg lúa giống khô, bán ra cho nhân dân được số tiền bán được 658.750.000 đồng. Sau khi khấu trừ các chi phí còn lợi nhuận 218.250.000 đồng, chia mỗi người được sở hữu 109.125.000 đồng, khi kết tính hai bên không có lập giấy tời gì.

Ngoài ra, trong vụ lúa Đông Xuân 2018 – 2019 ông Ph cho rằng ông Ph cung cấp cho ông Ph1 2.350kg lúa giống ST24 giá 17.500 đồng/01kg, tương ứng số tiền 41.250.000 đồng. Nay ông Ph1 không thừa nhận có hùn hạp hay mua bán lúa gì với ông Ph, do đó ông Ph1 không đồng ý theo yêu cầu của ông Ph.

Theo Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa số 07HĐLK 2018, ngày 25/11/2018 giữa ông Quách Văn Q là đại diện Hợp tác xã V T với ông Trần Văn Ph1 ký kết thể hiện chỉ có ông Ph1 và Hợp tác xã V T liên kết cung cấp lúa giống sản xuất và bao tiêu sản phẩm. Mặt khác, ông Q là đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã V T cho rằng lúa giống cung cấp cho nhân dân xạ vụ lúa Đông xuân năm 2018 – 2019 là của ông Ph và ông Ph1 hùn tiền mua, dê, sấy, đóng bao bì sau đó chỉ thông qua Hợp tác xã Vĩnh Tiền giao cho nhân dân xạ. Tuy nhiên, khi ông Ph, ông Ph1 thỏa thuận thông qua Hợp tác xã để giao lúa cho nhân dân thì không có lập giấy tờ gì là lúa giống của ông Ph và ông Ph1. Đối với 2.350kg lúa giống ST24 ông Ph cho rằng ông đã giao cho ông Ph1 nhưng

cũng không có giấy tờ gì. Tại phiên tòa, ông Ph1 thừa nhận chỉ có hùn hạp với Hợp tác xã V T và có nhận lúa của Hợp tác xã V T chứ không có hùn hạp, mua bán lúa với ông Ph.

[3.3] Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự: *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp"*

"... Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án phải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được trước đó". Do đó, ông Ph cho rằng Đông xuân năm 2017 – 2018 ông có hợp tác cung cấp lúa giống cho anh Ph1 bán cho nhân dân và vụ lúa Đông xuân 2018 – 2019 ông có hùn vốn làm ăn với ông Ph1 là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.4] Đối với phần phân thuốc bảo vệ thực vật vụ lúa Đông Xuân 2018 – 2019 ông Ph cho rằng ông Ph cung cấp cho ông Ph1 08kg thuốc ốc, giá 60.000 đồng/01kg, tương ứng số tiền 840.000 đồng; 500 gói thuốc điều hòa sinh trưởng, giá 10.000 đồng/01 gói, tương ứng số tiền 5.000.000 đồng. Khi bán thuốc cho ông Ph1 thì không có lập giấy tờ gì. Nay yêu cầu ông Ph1 phải trả lại số tiền thuốc cho ông Ph. Ông Ph1 cho rằng chỉ nhận thuốc từ Hợp tác xã V T, không có nhận của ông Ph. Đến nay giữa ông Ph1 và Hợp tác xã V T đã thỏa thuận xong. Lời trình bày của ông Ph1 phù hợp với lời trình bày của ông Q là đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã V T, đến nay giữa hợp tác xã V T và ông Ph1 đã kết toán xong tiền phân thuốc. Do đó, ông Ph yêu cầu ông Ph1 thanh toán số tiền thuốc bảo vệ thực vật nữa là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với phần lúa giống mà Hợp tác xã V T cung cấp cho ông Ph1 bán cho nhân dân đến nay ông Ph1 và Hợp tác xã V T chưa kết toán được. Trường hợp, trong quá trình kết toán giữa Hợp tác xã V T và ông Ph1 có tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Từ những nhận định trên xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Văn Ph có đơn xin miễn giảm án phí do nguyên đơn là người cao tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Nguyễn Văn Ph được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 35; Điều 91; Điều 147; Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Ph đối với bị đơn Trần Văn Ph1.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Ph về việc yêu cầu bị đơn Trần Văn Ph1 trả lại số tiền là 436.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Văn Ph được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Nguyễn Văn Ph được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.803.000 đồng theo biên lai thu số 0000313 ngày 09/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/12/2020).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Lil